



fú wù shēng
服务生

noun · waiter; server

Example Sentences

fú wù shēng gěi wǒ men dào le shuǐ
服务生给我们倒了水。

The waiter poured water for us.

nà gè fú wù shēng hěn rè qíng
那个服务生很热情。

That server is very enthusiastic.

Trace each character, then write the word on your own.

服	服	服	服	服	服	服	服	服	服	服
务	务	务	务	务	务	务	务			
生	生	生	生	生	生	生	生			